

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 52/2022/DS-PT

Ngày 16-3-2022

V/v Tranh chấp “Đòi lại tài sản theo hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bảo Anh

Các Thẩm phán:

Bà Trương Thị Liên

Bà Bùi Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2021/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Đòi lại tài sản theo hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 137/2021/DS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 51/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà **Nguyễn Thị U**, sinh năm 1958. (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho bà U: Ông **Nguyễn Văn Y**, sinh năm 1968; Trú tại: đường A, phường A, quận A, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

1.2 Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1985. (Vắng mặt).

1.3. Ông **Lê Huy V**, sinh năm 1992. (Vắng mặt).

1.4. Ông **Lê Huy C**, sinh năm 1995. (Vắng mặt).

Cùng trú tại: ấp A, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

1.5. Bà **Lê Thị Mộng T**, sinh năm 1984; Trú tại: Ấp B xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.(Có mặt).

1.6. Bà **Lê Thị Thúy O**, sinh năm 1987; Trú tại: khu vực C, phường C, quận A, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

1.7. Bà **Lê Thị K2**, sinh năm 1989; Trú tại: ấp A, xã G, huyện T, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

Bà **Nguyễn Thị U** là người đại diện theo ủy quyền cho: ông Lê Văn H, bà Lê Thị Thúy O, bà Lê Thị K2, ông Lê Huy V, ông Lê Huy C và bà Lê Thị Mộng T.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Võ Việt K**, sinh năm 1968. (Có mặt).

2.2. Bà **Nguyễn Thị K1**, sinh năm 1973. (Có mặt).

Cùng trú tại: xã A, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Võ Việt K: Luật sư **Nguyễn Xuân M**- Văn phòng luật sư Bình Minh, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

3. Người làm chứng:

3.1. Ông **NLC1**, sinh năm 1980; Trú tại: xã J, huyện T, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

3.2. Ông **NLC2**, sinh năm 1976; Trú tại: khu tập thể B, đường N, phường A, quận A, thành phố Cần Thơ.(Có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Võ Việt K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Phía nguyên đơn yêu cầu ông Võ Việt K, bà Nguyễn Thị K1 trả cho phía nguyên đơn số tiền vốn gốc là 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bà Nguyễn Thị U (nguyên đơn và đại diện của các đồng nguyên đơn) trình bày: Do có mối quan hệ làm ăn nhiều năm với ông Võ Việt K, vào khoảng tháng 6/2019, vợ chồng ông Võ Việt K và bà Nguyễn Thị K1 có đề nghị chồng bà (ông Lê Văn Dũng, chết ngày 18/6/2019) dùng quyền sử dụng đất của vợ chồng bà (số vào sổ 002483) để thế chấp đứng vay số tiền gốc 500.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Cần Thơ – PGD T. Sau khi được giải ngân số tiền vốn gốc, ông Dũng đã giao cho ông K và bà K1 nhận toàn bộ số tiền 500.000.000 đồng, trong đó: 100.000.000 đồng là ông Dũng trả cho ông

K, bà K1 vì đã mượn trước đó để trả nợ cho Ngân hàng khác nhằm rút thế chấp quyền sử dụng về vay tại Ngân hàng TMCP Bản Việt và 400.000.000 đồng còn lại ông Dũng cho ông K, bà K1 vay để làm ăn. Việc cho ông K, bà K1 vay số tiền 400.000.000 đồng cụ thể vào thời gian nào, nhận tiền tại đâu, có làm giấy tờ gì không, có ai chứng kiến hay không, nội dung thỏa thuận về lãi suất, thời hạn vay cụ thể như thế nào thì bà không rõ. Nguyên nhân là do thời gian ngắn sau khi được Ngân hàng TMCP Bản Việt giải ngân thì ông Dũng chết. Bà biết việc ông Dũng có cho vợ chồng ông K, bà K1 vay 400.000.000 đồng vì được ông Dũng bàn bạc và nói lại, các con của bà và ông Dũng không biết việc này. Quá trình ông Dũng vay tại Ngân hàng TMCP Bản Việt thì ông K là người trực tiếp trả, đóng lãi liên tục đối với khoản vay nêu trên từ ngày trả lãi đầu tiên cho đến khi Bảo hiểm Bảo Long thay ông Dũng thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng (có chứng từ, lịch sử giao dịch thanh toán lãi của ông K đối với khoản vay tại Ngân hàng). Còn khoản nợ gốc thì ông Dũng được Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long trả nợ thay.

Nay bà và các đồng nguyên đơn yêu cầu ông Võ Việt K, bà Nguyễn Thị K1 trả cho phía nguyên đơn số tiền vốn gốc là 400.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Việc ông K thừa nhận có đóng lãi thay ông Dũng đối với khoản nợ vay tại Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Cần Thơ – PGD T chỉ nhằm để cản trở vào số nợ 20.000.000 đồng mà ông K đã vay là không đúng sự thật, bà không đồng ý. Bà giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày.

Phía bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K và ông Võ Việt K (bị đơn) trình bày: Ông K hoàn toàn không đồng ý với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn. Ông K khẳng định chỉ vay của ông Dũng số tiền gốc 20.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này. Do mối quan hệ làm ăn nhiều năm nên ông K có vay của ông Dũng số tiền 20.000.000 đồng, việc vay không có lãi, không thỏa thuận thời hạn trả, không lập giấy tờ gì và không ai chứng kiến. Ông K chỉ nhớ khoảng một vài ngày sau khi ông Dũng được Ngân hàng TMCP Bản Việt giải ngân vốn vay có đến nhà ông K để trực tiếp giao cho ông K vay số tiền 20.000.000 đồng (ông K không nhớ thời gian cụ thể). Việc nguyên đơn cho rằng vợ chồng ông K có vay số tiền 400.000.000 đồng là không đúng sự thật. Trước đây, ban đầu ông K có hỏi nhờ ông Dũng đứng vay dùm ông K số tiền

300.000.000 đồng để ông K làm ăn, nhưng sau khi hỏi nhờ ông NLC1 (em vợ ông K) đứng vay dùm được thì ông K không nhờ ông Dũng vay cũng như không có việc vay của ông Dũng số tiền 400.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, do quyền sử dụng đất của ông NLC1 cần phải gia hạn thời gian sử dụng đất mới được vay nên ông K có vay của ông Dũng số tiền 20.000.000 đồng làm thủ tục gia hạn quyền sử dụng đất cho ông NLC1. Khi ông Dũng bệnh, ông K có thỏa thuận với ông Dũng là sẽ thay ông Dũng trả lãi cho khoản vay 500.000.000 đồng của ông Dũng tại Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Cần Thơ – PGD T nhằm để cản trừ vào số tiền 20.000.000 đồng ông K đang nợ ông Dũng. Việc trả lãi bao nhiêu lần, tổng số tiền bao nhiêu, vào thời gian nào thì ông K không nhớ.

Nay ông K yêu cầu cản trừ số tiền đã đóng lãi thay cho ông Dũng vào số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng. Nếu còn thiếu thì ông K đồng ý tiếp tục trả số tiền còn lại, nếu dư thì ông K yêu cầu các đồng nguyên đơn trả lại số tiền dư. Việc làm ăn, thỏa thuận vay số tiền 20.000.000 đồng giữa ông K với ông Dũng thì vợ ông K (bà Nguyễn Thị K1) hoàn toàn không biết.

Bà Nguyễn Thị K1 (bị đơn) trình bày: Việc thỏa thuận vay số tiền 20.000.000 đồng giữa chồng bà (ông K) với ông Lê Văn Dũng bà hoàn toàn không biết. Nay bà không đồng ý cùng trách nhiệm trả nợ với ông K. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà không nghe ông K nói có nợ ông Dũng số tiền 400.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày nên không đồng ý cùng ông K có trách nhiệm trả số tiền này như nguyên đơn yêu cầu. Bà xác định không có yêu cầu phản tố gì trong vụ án. Bà đã nghe nội dung đoạn ghi âm do phía bà U yêu cầu công bố tại phiên đối chất thừa nhận là giọng nói và lời nói của bà trong đoạn ghi âm nhưng bà chỉ nói chuyện tình nghĩa; Còn việc làm ăn giữa anh K và ông Dũng thì bà không biết.

Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Cần Thơ – PGD T cung cấp thông tin về quan hệ tín dụng tại văn bản ngày 30/6/2021, nội dung như sau:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị U, sinh năm 1958 là vợ ông Lê Văn Dũng (CIF:00286407, người đứng tên khoản vay) đã tắt toán khoản vay tại BVB T vào ngày 01/11/2019.

Bị đơn: Ông Võ Việt K, sinh năm 1968 (CIF:00244914) và bà Nguyễn Thị K1, sinh năm 1973 đã tắt toán khoản vay tại BVB T vào ngày 25/12/2019.

Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Cần Thơ – PGD T đã thực hiện

cho vay và thu nợ theo đúng quy trình, quy định của Ngân hàng và pháp luật. BVB T cũng đã cung cấp đầy đủ theo yêu cầu của Tòa án, xin vắng mặt trong tố tụng và các phiên tòa xét xử.

Ông NLC2 trình bày: Từ ngày 25/6/2018 ông được Ngân hàng Bản Việt điều động vào vị trí Trưởng phòng giao dịch T, với vai trò đại diện của Ngân hàng tại địa phương ông có hỗ trợ vốn vay cho ông Võ Việt K và bà Nguyễn Thị K1 ngụ ấp Đông Hòa, xã Thới Tân, huyện T nên có quen biết với khách hàng này. Đến cuối tháng 5 năm 2019 ông K có giới thiệu khách hàng là ông Lê Văn Dũng, sinh năm 1955 cùng vợ là bà Nguyễn Thị U đến Ngân hàng chúng tôi để vay vốn như bao khách hàng khác. Qua tìm hiểu, ông K cho hay ông Dũng là người bà con, gọi bằng dượng út và thương ông K như con ruột trong nhà nên có ý muốn giúp ông K và bà K1 một số vốn để mua bán lúa gạo kiếm thêm thu nhập. Thời điểm đó, các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của ông Dũng và bà U đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng PVCombank T với số tiền 100.000.000 đồng. Khi đó, ông K cùng ông Dũng đến Ngân hàng Bản Việt T gặp ông gửi hồ sơ để xem xét cho vay số tiền cao hơn để dư ra cho ông K mượn làm ăn như hai người đã bàn bạc. Với các hồ sơ và chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Dũng và bà U cung cấp, chúng tôi xác định cho vay 500.000.000 đồng và thông báo khách hàng được biết. Sau khi bàn bạc với vợ chồng ông Dũng, ông K đã tự lo số tiền là 100 triệu đồng và phần lãi vay, trả tất toán khoản vay tại Ngân hàng PVCombank T của ông Dũng và bà U để rút tài sản, hồ sơ chuyển sang vay tại Ngân hàng Bản Việt T như chúng tôi đã thông báo. Vào ngày 07/6/2019, Ngân hàng Bản Việt T đã giải ngân cho ông Lê Văn Dũng và bà Nguyễn Thị U số tiền 500 triệu đồng theo hợp đồng tín dụng số 0511900067500 ngày 06/6/2019 và giấy nhận nợ ngày 07/6/2019, sau khi hoàn tất các thủ tục đăng ký thế chấp. Bên cạnh đó, Ngân hàng kết hợp cùng Công ty Bảo hiểm Bảo Long có bán cho cá nhân ông Dũng là người đại diện vay vốn 01 gói bảo hiểm sức khỏe trị giá 500 triệu đồng để bảo lãnh cho khoản vay, thời hạn 12 tháng kể từ ngày 07/6/2019 đến 07/6/2020, theo hợp đồng bảo hiểm cùng chứng nhận bảo hiểm số 19/HĐ-1194/11-KD 9 với số tiền đóng phí bảo hiểm là 2 triệu đồng. Sau khi giải ngân, ông được ông K cho hay khoản vay 500.000.000 đồng của ông Dũng và bà U tại Ngân hàng Bản Việt khi đến kỳ trả lãi, nợ gốc sẽ báo cho vợ chồng ông K và bà K1 để thanh toán. Vì ông Dũng chỉ sử dụng 100 triệu đồng được chuyển từ Ngân hàng PVCombank qua như đã nêu trên. Riêng

400 triệu đồng còn lại ông Dũng cho vợ chồng ông K và bà K1 mượn để làm ăn, đến khi hết vụ lúa sẽ trả lại. Ngoài ra, toàn bộ tiền lãi của khoản vay 500 triệu đồng, ông K và bà K1 có nhiệm vụ thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng khi đến hạn. Ông K còn cho hay, do ông Dũng thương ông K như con ruột nên cũng không làm giấy tờ hay văn bản nào để làm bằng nên việc đó là việc riêng của gia đình ông. Đến ngày 18/6/2019 khi hay tin ông Dũng mất do tai nạn lao động chúng tôi có liên hệ với gia đình, thì ông K và bà K1 cho hay khoản vay này vợ chồng ông sẽ trả lãi hàng tháng như hợp đồng và khi đến hạn sẽ lo tiền trả nợ gốc tất toán để gửi lại tài sản thế chấp cho gia đình. Thời gian tiếp đó, do ông K và bà K1 thường xuyên về và đi các tỉnh khác để mua lúa nên có gửi tiền nhờ người quen hay trực tiếp đến ngân hàng trả lãi vào các ngày 08/7/2019; 07/8/2019; 11/9/2019; 09/10/2019; 01/11/2019. Suốt thời gian này, Ngân hàng thường xuyên liên hệ với ông K và bà K1 có cam kết lo mượn tiền để tất toán khoản vay đúng hạn do ông Dũng đã mất, không thể tiếp tục cho vay được nữa. Sau đó, ông K có giới thiệu với Ngân hàng ông NLC1 để vay vốn làm ăn chung với ông K và ý muốn cho ông K mượn một phần vốn để trả nợ cho khoản vay trước đã mượn ông Dũng. Sau thời gian hoàn tất hồ sơ, Ngân hàng có cho ông NLC1 vay tiền như bao khách hàng, việc sử dụng vốn vay của ông NLC1 cũng nhằm vào mục đích kinh doanh và nhu cầu của khách hàng. Trở lại việc ông K và bà K1 khi hay tin chúng tôi hoàn tất hồ sơ với Công ty Bảo hiểm Bảo Long để chi trả quyền lợi bảo hiểm cho ông Dũng (đã mất), được bồi thường số tiền 500 triệu đồng thì ông K và bà K1 nghĩ rằng ông/bà không cần phải trả tiền này nữa nên né tránh Ngân hàng và không muốn trả lại số tiền 400.000.000 đồng mượn của ông Dũng cho bà U và gia đình. Về phía Ngân hàng, khi khoản bảo hiểm của ông Dũng được Công ty Bảo hiểm Bảo Long chi trả vào tài khoản thanh toán ngày 24/10/2019, đã được thu nợ khoản vay của ông Dũng và Ngân hàng phải xuất tài sản thế chấp trao trả lại cho bà Nguyễn Thị U và các con, nên gia đình có gọi ông đến nhà bà K1, ông K để giải thích cho các bên hiểu về số tiền bảo hiểm và khoản tiền mà ông Dũng đã cho mượn. Một lần nữa, ông K không có mặt ở nhà, trước sự chứng kiến của nhiều người, bà K1 đã xác nhận với gia đình bà U là vợ chồng bà có mượn của ông Dũng số tiền 400.000.000 đồng từ khoản tiền vay 500 triệu đồng tại Ngân hàng Bản Việt T sau khi giải ngân để làm ăn. Đồng thời, cá nhân ông đã giải thích rõ cho các con của bà U và bà K1 về số tiền 500 triệu đồng mà Công ty Bảo hiểm Bảo Long đã chi trả cho

ông Dũng là nhằm bảo vệ sức khỏe đối với khách hàng có khoản vay tại Ngân hàng. Mục đích chi trả số tiền này, để tất toán khoản vay khi khách hàng tử vong hay thương tật toàn bộ vĩnh viễn. Riêng việc bà K1 và ông K đã mượn tiền của ông Dũng như bà K1 xác nhận thì có trách nhiệm trả lại cho gia đình ông Dũng.

Ông NLC1 (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án) trình bày: Không có yêu cầu độc lập trong vụ án, ông xác định là ông có nghe ông K định mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Dũng để vay tiền nhưng ông đã vay tiền của Ngân hàng để cho ông K mượn nên ông K và bà K1 không có mượn tiền của ông Dũng.

Ông Lê Huy V trình bày tại phiên tòa sơ thẩm: Việc phía ông K cho rằng, khi cha của ông là ông Dũng nằm viện thì ông K có vô bệnh viện và được cha của ông nói đóng lãi dùm để cản trừ số tiền cha của ông mượn 20.000.000 đồng là hoàn toàn không có. Khi đó, cha của ông nằm trong phòng cấp cứu, không ai được vào và gia đình ở bên ngoài nên không có việc ông K vào gặp cha của ông là ông Dũng.

Do các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Cần Thơ đưa ra xét xử sơ thẩm theo quy định. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2021/DS -ST ngày 27 tháng 10 năm 2021, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Buộc ông Võ Việt K và bà Nguyễn Thị K1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị U, ông Lê Văn H, ông Lê Huy V, ông Lê Huy C, bà Lê Thị Mộng T, bà Lê Thị Thúy O, bà Lê Thị K2 số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Đối với số tiền phải thi hành thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 05/11/2021, bị đơn ông Võ Việt K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Võ Việt K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Không thừa nhận việc ông và bà K1 có mượn số tiền 400 triệu đồng của ông Dũng.

Ông NLC2 vẫn giữ nguyên lời trình bày như trong Bản tự khai mà ông đã gửi cho Tòa án cấp sơ thẩm. Ông cam đoan, những lời khai của mình là trung thực, khách quan, đúng với diễn biến sự việc. Giữa ông với vợ chồng ông K không có mâu thuẫn hay xích mích gì.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Võ Việt K trình bày, tranh luận:

Nguyên đơn khởi kiện các bị đơn đòi trả số tiền mượn 400 triệu đồng mà nguyên đơn cho rằng, khi ông Lê Văn Dũng là chồng của bà U còn sống cho ông K mượn. Tuy nhiên, sự việc này thì không có chứng cứ gì chứng minh, không có giấy tờ gì thể hiện số tiền cho mượn, lãi suất, đồng thời cũng không có ai chứng kiến việc giao nhận tiền. Lời khai của người làm chứng ông NLC2 mang tính chủ quan, không bảo đảm khách quan. Nội dung đoạn ghi âm, không phản ánh rõ về việc ông K có mượn tiền ông Dũng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp, không đủ cơ sở để chấp nhận, bác yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc các bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 400 triệu đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cho rằng, chồng và cha của các nguyên đơn là ông Lê Văn Dũng khi còn sống, có cho các bị đơn vay tiền (vay không có lãi) nhưng các bị đơn không trả lại. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc các bị đơn phải trả lại số tiền đã vay (không yêu cầu tính lãi) nên

xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp đòi lại tài sản theo hợp đồng vay tài sản*”, bị đơn cư trú ở địa bàn huyện T nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Võ Việt K có đơn kháng cáo và đóng tạm ứng án phí trong thời hạn quy định nên được Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thụ lý giải quyết lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về xác định tư cách của những người tham gia tố tụng trong vụ án:

Nhận thấy, Ngân hàng TMCP Bản Việt, ông NLC1 và ông NLC2 là những người không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì liên quan đến việc tranh chấp đòi lại tài sản giữa các nguyên đơn với các bị đơn nên không đủ căn cứ để xác định họ là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông NLC2, ông NLC1 là những người biết các tình tiết có liên quan đến nội dung vụ án thì được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng.

[2] Về nội dung giải quyết:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Võ Việt K cho rằng, ông và vợ là bà Nguyễn Thị K1 không có vay số tiền 400.000.000 đồng như nội dung yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, người làm chứng ông NLC2, có cơ sở xác định: Vợ chồng ông Lê Văn Dũng (chết ngày 18/6/2019), bà Nguyễn Thị U ký kết Hợp đồng tín dụng, thế chấp tài sản để vay số tiền vốn 500.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Cần Thơ – Phòng Giao dịch T. Hợp đồng tín dụng ký kết ngày 06/6/2019 và bên vay được Ngân hàng giải ngân tiền một ngày sau đó, ngày 07/6/2019 số tiền 500 triệu đồng. Theo trình bày của phía nguyên đơn, sau khi nhận được tiền vay, ông Dũng đã cho vợ chồng ông K, bà K1 vay lại số tiền 400 triệu đồng để làm vốn. Còn phía bị đơn chỉ thừa nhận trước đây, ông K có mượn ông Dũng số tiền 20.000.000 đồng để làm chi phí, lo thủ tục điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông NLC1 (do hết thời hạn sử dụng đất ghi trên giấy). Sau khi điều chỉnh xong, ông K, bà K1 sẽ nhờ ông NLC1 thế chấp tài sản này vay tiền Ngân hàng rồi cho ông K, bà K1 vay lại để làm ăn. Ông NLC2 trình bày ý kiến về một số nội dung có liên quan đến vụ án tại Tờ tự khai (Bút lục số 116) và tại phiên tòa:

“Tại thời điểm vợ chồng ông Dũng, bà U vay tiền tại Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Cần Thơ - Phòng Giao dịch huyện T vào tháng 06/2019 thì khi đó, ông làm Trưởng Phòng Giao dịch nên biết rõ về quan hệ tín dụng giữa ông Dũng, bà U với Ngân hàng. Đồng thời, ông cũng biết ông K là người sinh sống ở địa phương, vay vốn để làm ăn và việc ông Dũng, bà U vay tiền tại Ngân hàng cũng là do ông K giới thiệu. Mặc dù, ông không trực tiếp chứng kiến việc ông Dũng giao số tiền 400 triệu đồng cho vợ chồng ông K, bà K1 sau khi ông Dũng được Ngân hàng giải ngân theo hợp đồng tín dụng nhưng ông K có báo với ông là khoản vay 500 triệu đồng của ông Dũng, bà U tại Ngân hàng Bản Việt, khi đến kỳ trả lãi, thanh toán nợ gốc thì sẽ thông báo lại cho vợ chồng ông K, bà K1 đến thanh toán. Trước khi vay tiền tại Ngân hàng Bản Việt, ông Dũng và bà U có thể chấp tài sản vay tại Ngân hàng PVCombank 100 triệu đồng. Vì cần vốn làm ăn nên ông K, bà K1 bàn bạc với ông Dũng, bà U về việc ông K lo 100 triệu đồng thanh toán tiền nợ gốc và thêm phần tiền lãi thay cho ông Dũng, bà U tại Ngân hàng PVCombank. Sau đó, ông Dũng, bà U nhận lại tài sản và thế chấp vay lại tại Ngân hàng Bản Việt – Phòng Giao dịch huyện T, nơi ông đang làm Trưởng phòng số tiền 500 triệu đồng để cho ông K, bà K1 mượn lại làm vốn. Như vậy, trong số tiền ông Dũng, bà U vay 500 triệu đồng tại Ngân hàng Bản Việt thì ông Dũng chỉ sử dụng 100 triệu đồng (được ông K thanh toán nợ thay ở Ngân hàng PVCombank), số tiền 400 triệu đồng còn lại thì ông Dũng cho vợ chồng ông K, bà K1 mượn làm ăn. Đến ngày 18/6/2019, khi hay tin ông Dũng mất thì ông có liên hệ gia đình, thì ông K và bà K1 cho hay khoản vay này, vợ chồng ông bà sẽ trả lãi hàng tháng như hợp đồng và khi đến hạn sẽ lo tiền trả nợ gốc tất toán. Thời gian sau đó, thì ông K, bà K1 cũng có đôi lần nhờ người quen hoặc trực tiếp đến Ngân hàng đóng lãi vào các ngày 08/7/2019; 07/8/2019; 11/9/2019; 09/10/2019; 01/11/2019... Đồng thời cũng lo tiền để trả nợ gốc 500 triệu đồng khi đến hạn vào ngày 06/10/2019 (Giấy nhận nợ mỗi lần 06 tháng) như phía Ngân hàng thông báo. Suốt thời gian này, ông thường xuyên liên hệ ông K, bà K1 cam kết mượn tiền lo tất toán khoản vay đúng hạn do ông Dũng đã mất. Sau đó, ông K có giới thiệu ông NLC1 (cư trú tại ấp Đông Hòa B, xã Thới Tân, huyện T, TP.Cần Thơ) để vay vốn làm ăn chung với ông K và ý muốn cho ông K mượn một phần vốn để trả nợ cho khoản vay trước đó đã mượn ông Dũng. Sau khi hoàn tất hồ sơ, Ngân hàng có cho ông NLC1 vay tiền.

Ông K và bà K1 khi hay tin Ngân hàng hoàn tất hồ sơ với Công ty Bảo Hiểm Bảo Long để chi trả quyền lợi bảo hiểm cho ông Dũng (đã mất), được bồi thường số tiền 500 triệu đồng, thì ông K, bà K1 nghĩ rằng, ông bà không phải trả tiền cho Ngân hàng (thay ông Dũng) và cũng không muốn trả lại số tiền 400 triệu đồng mượn của ông Dũng cho gia đình bà U. Sau đó, gia đình bà U có gọi cho ông đi đến nhà bà K1, ông K để giải thích cho các bên hiểu về số tiền Bảo hiểm và khoản tiền mà ông Dũng đã cho mượn. Ông K không có mặt ở nhà, trước sự chứng kiến của nhiều người, bà K1 xác nhận với gia đình bà U là vợ chồng bà có mượn của ông Dũng số tiền 400 triệu đồng, từ khoản vay 500 triệu đồng tại Ngân hàng Bản Việt sau khi được giải ngân tiền vay... ”.

Tại phiên tòa, ông NLC2 vẫn giữ nguyên lời khai nêu trên, cam kết khai đúng, khách quan, trung thực.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn có cung cấp chứng cứ là đoạn băng ghi âm, ghi hình về buổi nói chuyện vào lúc **11 giờ 11 phút, ngày 04/12/2019**, tại nhà bà K1 và ông K ở ấp Đông Hòa A, xã Thới Tân, huyện T, thành phố Cần Thơ giữa ông NLC2, bà U và bà K1. Khi Tòa án cấp sơ thẩm cho các bên đối chất có liên quan đến nội dung đoạn ghi âm, bà K1 cũng thừa nhận giọng nói của mình trong đoạn ghi âm này. Bà K1 cho rằng, khi nói chuyện với bà U, ông NLC2 thì chỉ nói chuyện tình nghĩa, không nhìn nhận việc bà và ông K mượn ông Dũng số tiền 400 triệu đồng từ khoản vay 500 triệu đồng của ông Dũng, bà U tại Ngân hàng Bản Việt là không đúng sự thật. Bởi lẽ, mở đầu cuộc nói chuyện, ông NLC2 đề cập đến khoản vay 500 triệu đồng của ông Dũng tại Ngân hàng Bản Việt và sau khi ông NLC2 dứt lời thì bà K1 đối đáp lại, thừa nhận có nhận số tiền 400 triệu đồng trong số tiền 500 triệu đồng mà ông Dũng vay của Ngân hàng, bà K1 nói rõ: *“phần của dì U là 100 triệu đồng, còn của anh chị (bà K1, ông K) là 400 triệu đồng thì nó cũng vô 500 triệu đồng...; bà K1 còn thừa nhận, chính bà là người nhận tiền trực tiếp 400 triệu đồng từ ông Dũng giao...”*. Đồng thời, bà K1 cũng đề cập việc bà đưa tiền cho ông Dũng đóng lãi Ngân hàng nhưng không nói gì về việc đóng tiền lãi là nhằm mục đích trừ vào số tiền 20.000.000 đồng mà ông Dũng cho ông K mượn làm chi phí điều chỉnh giấy tờ đất cho ông NLC1 như phía bị đơn trình bày. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của ông NLC2, kết hợp với nội dung buổi nói chuyện tại nhà bà K1 được ghi âm, ghi hình lại như nêu trên, hồ sơ vay

vốn tại Ngân hàng Bản Việt của vợ chồng ông Dũng, bà U và việc vợ bà K1 thanh toán tiền lãi vay thay ông Dũng như nói trên là đủ cơ sở để kết luận: Vợ chồng ông Dũng, bà U sau khi được Ngân hàng Bản Việt giải ngân số tiền vay 500 triệu đồng, vợ chồng ông K, bà K1 vay lại của ông Dũng 400 triệu đồng. Việc các bị đơn phủ nhận việc vay tiền của ông Dũng là nhằm trốn tránh nghĩa vụ thanh toán là không phù hợp với quy định của pháp luật. Ông Dũng đã chết, các thừa kế của ông khởi kiện đòi lại số tiền đã cho các bị đơn vay là có cơ sở xem xét. Bị đơn ông K kháng cáo và ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông K đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Xét thấy, việc ông Dũng cho các bị đơn vay tiền từ nguồn vốn vay của Ngân hàng. Các bị đơn sử dụng tiền vay để làm vốn và có nghĩa vụ đóng lãi theo mức lãi suất Ngân hàng cho ông Dũng vay (*thực tế, bà K1 cũng nhiều lần nộp tiền vào tài khoản của ông Dũng để Ngân hàng thu tiền lãi vào các ngày: 07/8/2019 số tiền 4.525.000 đồng; 11/9/2019 nộp tiền 4.980.000 đồng; 01/11/2019 số tiền 4.672.000 đồng*). Việc nguyên đơn chỉ yêu cầu các bị đơn trả lại số tiền vốn gốc, không yêu cầu trả thêm tiền lãi cũng là phù hợp.

[2.3]. Đối với ông NLC1: Việc ông NLC1 thế chấp tài sản vay số tiền vốn 700 triệu đồng tại Ngân hàng Bản Việt là có thật. Nhưng còn việc ông NLC1 có cho vợ chồng ông K, bà K1 vay lại hay không từ số tiền này thì cũng không có liên quan gì đến việc ông K, bà K1 vay số tiền 400 triệu đồng của ông Dũng. Lời khai của ông NLC1, không có giá trị chứng minh về việc ông K, bà K1 không vay tiền của ông Dũng.

[3] Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử như đã được phân tích nêu trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải có nghĩa vụ chịu tiền án phí như Tòa án cấp sơ thẩm quyết định là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông K không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên ông K phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 166, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Võ Việt K và bà Nguyễn Thị K1 có trách nhiệm liên đới, trả cho bà Nguyễn Thị U, ông Lê Văn H, ông Lê Huy V, ông Lê Huy C, bà Lê Thị Mộng T, bà Lê Thị Thúy O, bà Lê Thị K2 số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Võ Việt K và bà Nguyễn Thị K1 có trách nhiệm liên đới nộp 20.000.000 đồng (hai chục triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho phía nguyên đơn gồm: Nguyễn Thị U, Lê Thị Mộng T, Lê Văn H, Lê Thị Thúy O, Lê Thị K2, Lê Huy V, Lê Huy C số tiền 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 015785 ngày 28/7/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện T.

4/ Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Võ Văn K phải chịu số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng mà ông K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005101 ngày 05/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (ông K đã nộp đủ tiền án phí).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7,

7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày được tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.Cần Thơ;
- Chi Cục THADS huyện T;
- TAND huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Võ Bảo Anh